

BÀN VỀ VỊ TRÍ PHÁP LÝ CỦA CƠ QUAN ĐIỀU TRA VỤ VIỆC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

*MAI XUÂN HỢI**

Ngày nhận bài: 21/10/2018

Ngày phản biện: 01/11/2018

Ngày đăng bài: 25/12/2018

Tóm tắt:

Trong bối cảnh việc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đôi khi không xuất phát từ chính lợi ích của doanh nghiệp, thay vào đó là bị sự chi phối bởi các mệnh lệnh hành chính xuất phát từ mối quan hệ về kinh tế, chính trị giữa các quốc gia thì việc pháp luật sử dụng một cơ quan là Cục Phòng vệ thương mại trực thuộc Bộ Công thương để điều tra các vụ việc phòng vệ thương mại là không hợp lý. Vì vậy, nghiên cứu đã đề xuất xây dựng một thiết chế độc lập về mặt vị trí pháp lý để thay thế, nhằm đảm bảo hiệu quả tối đa trong quá trình điều tra các vụ việc phòng vệ thương mại.

Từ khóa:

Cục Phòng vệ thương mại, vị trí pháp lý của cơ quan điều tra.

Abstract:

In the context that the application of measures for trade defense sometimes does not stem from the interests of the business, but instead being governed by administrative orders derived from relationships in economics and politics between nations, the law uses a Commercial Defense Agency under the Ministry of Industry and Trade to directly investigate the trade defense measures cases is not justified. Researchers have proposed an independent institution in terms of the legal position to replace it to ensure maximum efficiency in the process of investigation of trade defense cases.

Keywords:

Trade remedies authority, legal position of the investigating body.

1. Phát hiện những bất cập về vị trí pháp lý của Cục Phòng vệ thương mại

Thực tiễn xét xử cho thấy, để thực thi hiệu quả các biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM) đòi hỏi sự phối hợp của hệ thống các cơ quan từ trung ương tới địa phương với tư cách là chủ thể áp dụng pháp luật. Nhận thức được vai trò quan trọng đó, ngay từ rất sớm các thiết chế thực thi pháp luật PVTM đã được hình thành tại Nghị định số 04/2006/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 848/QĐ-BCT của Bộ Công thương (BCT) và Thông tư số 128/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính. Các quy định này đã tạo nên hệ thống cơ quan thực thi

* ThS., Giảng viên Khoa Luật Kinh tế, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: hoilu09@gmail.com

các biện pháp PVTM từ trung ương đến địa phương, trong đó vai trò đặc biệt quan trọng phải kể đến là Cục Quản lý cạnh tranh (CQLCT) trực thuộc BCT. Sau khi được thành lập, với mục tiêu bảo đảm cho môi trường cạnh tranh công bằng trên thị trường, ngay tại (Quyết định số 848/2013/QĐ-BCT, Điều 2), CQLCT được giao chức năng quản lý nhà nước về cạnh tranh; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; và đặc biệt thực thi các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài. Với chức năng, nhiệm vụ được giao, sau hơn 12 năm tồn tại, CQLCT đã bộc lộ nhiều bất cập về địa vị pháp lý, đặc biệt về chức năng, nhiệm vụ, và điều này đã được Mai Xuân Hợi (2016, tr.40) lý giải rằng, “với một khối lượng nhiệm vụ được giao theo quy định,... việc thực thi các nhiệm vụ đó trên thực tế là không thể đạt hiệu quả cao nếu không nói là quyền hạn, nhiệm vụ mà pháp luật quy định cho Cục quản lý cạnh tranh là quá “ôm đồm”, không phù hợp với thực lực cũng như khả năng của các đơn vị thuộc Cục quản lý cạnh tranh hiện có. Điều này dẫn đến một thực trạng, sau hơn 12 năm có hiệu lực, đến thời điểm này cơ quan thực thi pháp luật cạnh tranh Việt Nam mới chính thức đưa ra kết luận xử lý đối với 04 vụ việc hạn chế cạnh tranh”. Không dừng lại ở đó, theo Cục Phòng vệ thương mại, tính đến hết tháng 3/2018 thì Việt Nam mới có 4 (bốn) vụ việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá, 3 (ba) vụ việc được áp dụng biện pháp tự vệ thương mại đối với doanh nghiệp nước ngoài, chưa có biện pháp chống trợ cấp nào được áp dụng. Thực trạng này đặt ra yêu cầu phải thay đổi để đáp ứng yêu cầu thực tiễn, và kết quả Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia (UBCTQG) được thành lập để thực thi pháp luật cạnh tranh, còn Cục phòng vệ thương mại (CPVTM) được thành lập để điều tra, kiến nghị áp dụng các biện pháp PVTM đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài.

Theo (Quyết định 3752/2018/QĐ-BCT, Điều 1) quy định, CPVTM là tổ chức thuộc BCT, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng BCT quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với lĩnh vực chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ thương mại... Quy định cho thấy, CPVTM thuộc hệ thống cơ quan hành pháp, là cơ quan giúp việc cho BCT quản lý và thực thi các biện pháp PVTM. Như vậy, ở Việt Nam việc bảo hộ cho ngành sản xuất trong nước trước sự cạnh tranh của doanh nghiệp nước ngoài thuộc nhiệm vụ của CPVTM, với vị trí là cơ quan cấp cục thuộc bộ. Điều này dẫn đến một số bất cập sau:

Thứ nhất, vị trí pháp lý của CPVTM ảnh hưởng tới hiệu quả thực thi chức năng, nhiệm vụ được giao. Với tư cách là chủ thể điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM xuyên biên giới, tức là việc điều tra, áp dụng các công cụ chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ thương mại nhằm để bảo hộ cho ngành sản xuất trong nước, nhưng đồng thời phải phù hợp với pháp luật quốc tế như WTO và các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam cam kết thì với vị trí là một cơ quan trực thuộc BCT dẫn tới:

(i) Để thực hiện chức năng bảo hộ cho hàng hóa trong nước trước các hành vi cạnh tranh không lành mạnh từ doanh nghiệp nước ngoài, CPVTM phải thực hiện việc điều tra, thu thập chứng cứ, lấy lời khai các doanh nghiệp trong cũng như ngoài nước liên quan đến các vụ

kiện PVTM. Nhiệm vụ này cần có sự phối hợp của UBND cấp tỉnh trong khâu thẩm tra bị đơn và thu thập các chứng cứ tài liệu liên quan. Nói cách khác, do đóng trên địa bàn các tỉnh nên UBND cấp tỉnh có thực quyền trong việc yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp những số liệu cần thiết cho hoạt động thẩm tra. Tuy nhiên, với vị trí là cấp cục thì CPVTM rất khó yêu cầu UBND cấp tỉnh phối hợp trong quá trình điều tra vì không thuộc thẩm quyền quản lý. Vấn đề này dễ dàng được giải quyết nếu vị trí của CPVTM là cơ quan trực thuộc Chính phủ, và với công văn có bút phê của Thủ tướng thì UBND địa phương phải có nghĩa vụ phối hợp điều tra, thu thập chứng cứ.

(ii) Để kết luận có hay không hành vi bán phá giá, trợ cấp từ chính phủ cho hàng hóa nước ngoài tại thị trường Việt Nam, hoặc để chứng minh được có sự gia tăng bất thường của hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam thì không thể thiếu sự phối hợp điều tra, cung cấp số liệu từ Tổng cục Hải quan, Tổng cục Thuế. Tuy nhiên, với vị trí cấp cục thì rất khó để yêu cầu các cơ quan cấp tổng cục cung cấp các số liệu, đồng thời phối hợp điều tra.

(iii) CPVTM thực hiện chức năng quản lý nhà nước về PVTM, với các nhiệm vụ là phát hiện, thụ lý, điều tra và kiến nghị áp dụng các biện pháp PVTM. Để thực hiện nhiệm vụ này đòi hỏi CPVTM phải có một vị trí pháp lý tương xứng. Bởi lẽ, để chứng minh rằng các doanh nghiệp nước ngoài có hay không hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp từ chính phủ thì buộc phải có quá trình điều tra, thu thập số liệu. Tuy nhiên, với vị trí là cấp cục thì rất khó trong việc tiếp cận, đối thoại để thu thập các thông tin, số liệu, đặc biệt là các chứng cứ để chứng minh rằng đã tồn tại trợ cấp của chính phủ nước ngoài cho hàng hóa xuất khẩu vào Việt Nam.

(iv) Khi điều tra các vụ kiện PVTM của doanh nghiệp trong nước thì hàng hóa của doanh nghiệp nước ngoài là đối tượng bị điều tra. Do liên quan đến doanh nghiệp nước ngoài nên cơ quan ngoại giao của các nước có doanh nghiệp bị điều tra thường có công hàm phản đối, đề nghị chấm dứt việc điều tra mà không có lý do. Trong trường hợp này, xét về cấp ngoại giao thì cấp cục không có thẩm quyền trả lời mà thẩm quyền thuộc Chính phủ. Trước thực tế đó, để giải quyết thì Cục trưởng CPVTM báo cáo cho Bộ trưởng BCT để xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Với một quy trình như vậy, để có công văn phúc đáp phải mất rất nhiều thời gian, trải qua rất nhiều các thủ tục, báo cáo, dẫn đến bị thụ động trong việc hội kiến, phúc đáp các công hàm từ cơ quan ngoại giao nước ngoài.

Thứ hai, quá trình điều tra, áp dụng biện pháp PVTM phải chịu sự chi phối của các mệnh lệnh hành chính. Điều mà doanh nghiệp lo ngại nhất đó là sự tác động, chi phối của các mệnh lệnh hành chính làm “méo mó” kết quả điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM. Do vậy, ngay từ thời điểm thành lập thiết chế để thay thế CQLCT, rất nhiều kỳ vọng được đặt vào một thiết chế với một vị trí pháp lý chủ động, độc lập sẽ được thành lập để thực thi các biện pháp PVTM, nhưng cuối cùng CPVTM trực thuộc BCT được thành lập để “gánh vác” chức năng giúp BCT thực thi các biện pháp PVTM, điều này chẳng khác gì “bình mới nhưng rượu cũ”,

làm cho doanh nghiệp không khỏi lo ngại. Bởi lẽ, xét về bản chất thì không có gì thay đổi, khi cơ quan tiến hành điều tra các biện pháp PVTM vẫn là cơ quan cấp cục trực thuộc BCT, thuộc nhánh cơ quan hành pháp như trước đây. Sự thay đổi có chăng là sự san sẻ bớt về chức năng, nhiệm vụ, nếu trước đây CQLCT vừa là cơ quan thực thi pháp luật cạnh tranh vừa thực thi các biện pháp PVTM, thì bây giờ được giao cho hai cơ quan tách biệt đó là UBCTQG và CPVTM, nhưng mấu chốt vấn đề ở đây là cơ quan thực thi các biện pháp PVTM vẫn là cấp cục trực thuộc BCT. Điều này đặt ra một thực tế rằng, khi thụ lý đơn yêu cầu áp dụng biện pháp PVTM sẽ đặt CPVTM trong bối cảnh phải giải quyết mối quan hệ đối lập giữa lợi ích của doanh nghiệp với bên kia là lợi ích của quốc gia trong sự ràng buộc về vị thế kinh tế, quan hệ ngoại giao. Vì lẽ rằng, áp dụng biện pháp PVTM không đơn thuần là áp dụng chế tài kinh tế để trừng phạt đối với doanh nghiệp nước ngoài khi có những hành vi cạnh tranh không lành mạnh hoặc có sự trợ giúp bất hợp pháp từ chính phủ nước ngoài, mà lúc này vai trò răn đe của biện pháp PVTM đã vượt qua giới hạn của một biện pháp kinh tế đơn thuần khi nó tác động tới mối tương quan về vị thế kinh tế, chính trị, đối ngoại giữa các quốc gia với nhau. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, khi mà quan hệ đối tác giữa các quốc gia được thiết lập dựa trên sự so sánh về vị thế kinh tế, chính trị và quan hệ ngoại giao, dẫn đến các quốc gia có vị thế kinh tế yếu hơn, như Việt Nam, muốn thiết lập mối quan hệ để phát triển với các quốc gia như Hoa Kỳ, Nhật Bản hay Trung Quốc thì phải có những chính sách “khoan nhượng”, và kết quả các mệnh lệnh hành chính sẽ được “dội xuống” nếu đối tượng bị điều tra trong vụ việc PVTM là doanh nghiệp của các nước này. Trước bối cảnh đó, với vị trí là Cơ quan thuộc BCT, thì rất khó để CPVTM đủ tính độc lập, sự chủ động để tự quyết vấn đề, hướng tới bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Điều này đã được nhiều nghiên cứu chứng minh, cụ thể Michael Moore (1990) trong tác phẩm của mình đã khẳng định, những đơn kiện từ những đơn vị bầu cử có sự thiên vị cho nhóm lợi ích nào đó khi nhóm này đòi phải được áp dụng thuế chống bán phá giá đối với doanh nghiệp nhập khẩu nước ngoài hay (R. Baldwin & J. Steagall 1991) cũng đã kết luận, vào khoảng những năm 80 của thế kỷ XX, ITC đúng là đã có dấu hiệu bị tác động bởi những áp lực cho chủ nghĩa bảo hộ, các phán quyết về chống bán phá giá nhằm tới bảo hộ cho ngành công nghiệp trong nước hoặc Richard Dale (1981) tiếp tục nhấn mạnh, bằng nhận định là người có kinh nghiệm thực tế thực thi Đạo luật chống bán phá giá của Hoa Kỳ 1921, tôi có thể khẳng định chưa bao giờ có một vụ việc được xếp vào loại bán phá giá triệt tiêu đối thủ cạnh tranh,... lý do cho việc áp dụng các biện pháp PVTM,... là do bị tác động bởi cơ chế chính trị nhằm bảo hộ cho ngành sản xuất trong nước, đôi khi không vì lợi ích người tiêu dùng. Hay ở Việt Nam, các chuyên gia đã cảnh báo rằng, “để kiểm soát hiệu quả hành vi độc quyền cần tới nhiều thiết chế đa dạng... Cơ quan cạnh tranh Việt Nam sẽ gặp những thách thức từ tác động của độc quyền hành chính”¹, hoặc “khi đánh giá về thực tiễn áp dụng các

¹ Phạm Duy Nghĩa (2004), *Giáo trình Luật Kinh tế*, Nxb Công an nhân dân, tr.549.

biện pháp tự vệ thương mại đã khẳng định,... phải chăng hoạt động của cơ quan điều tra trong quá trình thực thi có chịu sức ép hay không? Hay trong trường hợp này, chúng ta phải chịu sức ép về chính trị nhiều hơn sức ép về kinh tế”².

Thực tiễn bài học về CQLCT là một minh chứng, trong suốt thời gian tồn tại của mình, số vụ việc được áp dụng biện pháp PVTM đếm trên đầu ngón tay. Trong khi đó, nhiều quyết định về việc ngừng điều tra hoặc đình chỉ điều tra giữa chừng hoặc không áp dụng biện pháp trừng phạt của CQLCT vẫn còn nhiều tranh cãi, làm cho doanh nghiệp không hiểu nguyên nhân vì sao. Điển hình như vụ việc Đùi Gà năm 2015³, Cục Quản lý cạnh tranh đã làm việc ròn rã với Hiệp hội Chăn nuôi Đông Nam Bộ để hướng dẫn các thủ tục và nhận được sự đồng lòng của các bên và kết quả là Cục đã có đầy đủ yếu tố khởi kiện. Tuy nhiên, khi đã đủ căn cứ để tiến hành khởi kiện, áp thuế thì đột ngột dừng lại mà đa số doanh nghiệp và người tiêu dùng không rõ lý do; hoặc năm 2009, lần đầu tiên Việt Nam khởi xướng vụ việc toàn cầu đối với mặt hàng Kính nổi trong xây dựng theo đề nghị của đại diện các nhà sản xuất mặt hàng Kính nổi trong nước, nhưng sau một thời gian điều tra, Cơ quan điều tra đã ra kết luận ngành sản xuất hàng hóa tương tự trong nước không phải chịu thiệt hại nghiêm trọng do việc nhập khẩu ồ ạt hàng hóa nhập khẩu bị điều tra gây ra trước sự ngỡ ngàng của các doanh nghiệp trong nước hay một loạt các vụ việc khác liên quan đến mặt hàng Trứng Gia Cầm, Giấy In, Dầu Đậu Nành, Ống Gang Đúc, Bột Nhựa, Tôn, Tỏi đến từ các doanh nghiệp nhập khẩu, đặc biệt từ doanh nghiệp của Trung Quốc cũng đã bị đình chỉ hoặc không bị điều tra.

2. Kiến nghị hoàn thiện vị trí pháp lý của Cục Phòng vệ thương mại

Từ trước tới nay, sử dụng các biện pháp PVTM được doanh nghiệp Việt Nam quan niệm đó là công cụ của “nhà giàu”, thực tế này nói lên sự tốn kém về mặt tài chính cũng như thời gian và những khó khăn gặp phải khi theo kiện áp dụng biện pháp PVTM. Điều này càng minh chứng tầm quan trọng của CPVTM trong vai trò là chủ thể “cầm cân” để giải quyết xung đột về lợi ích, làm sao để trở thành chỗ dựa vững tin giúp doanh nghiệp vượt qua những khó khăn để hướng tới sử dụng hiệu quả các biện pháp PVTM, nhưng đồng thời phải là cầu nối giúp Chính phủ trong việc mở rộng các quan hệ ngoại giao, thực hiện hiệu quả các cam kết với các quốc gia khác trong các Hiệp định Thương mại tự do. Làm được điều này, Cơ quan điều tra vụ việc PVTM cần phải có vị trí tương đương với các bộ để đảm bảo sự chủ động và độc lập trong các quyết định điều tra, do đó tác giả đề xuất xây dựng mô hình cơ quan điều tra vụ việc PVTM trực thuộc Chính phủ, thành viên của cơ quan này do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm. Đề xuất này xuất phát từ những lý giải sau đây:

² Nguyễn Quý Trọng (2013), *Pháp luật về chống bán phá giá hàng nhập khẩu vào Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*.

³ Xin tham khảo thêm địa chỉ: <https://baotintuc.vn/kinh-te/dieu-tra-toan-dien-viec-dui-ga-my-gia-20000-dongkg-20150805160222002.htm>

Thứ nhất, xuất phát từ chủ trương, chính sách tinh giản biên chế. Hiện nay, Nhà nước đang chủ trương tinh giản biên chế để đảm bảo tính hiệu quả chuyên trách về công việc, đồng thời giảm đi sự chồng chéo của bộ máy, hướng tới giảm gánh nặng về tài chính cho ngân sách Nhà nước. Đây là chủ trương hoàn toàn đúng đắn để hướng tới một bộ máy gọn nhẹ, vận hành trơn tru, hiệu quả. Tuy vậy, cần hiểu đúng nghĩa của chủ trương này, tinh giản không nhất thiết là phải bỏ bớt, phải cắt giảm vị trí làm việc, không thể thiết lập nên thiết chế mới, mà việc thiết lập hay không phải dựa vào các luận cứ khoa học và tính khả thi của thiết chế đó. Bởi lẽ, tinh giản biên chế có hai xu hướng:

Một là, tinh giản cơ học, có nghĩa là tinh giảm về số lượng con người, số lượng các thiết chế mà không dựa vào thực tiễn công việc và tính hiệu quả của công việc, và xu hướng này hiện nay nhiều cá nhân, cơ quan nhà nước ở Việt Nam đang thực hiện để báo cáo thành tích. Người nghiên cứu cho rằng, đây là cách hiểu và thực hiện sai lầm, phiến diện, chưa khoa học và không đúng với tin thần của chủ trương.

Hai là, tinh giản khoa học, cách này sẽ dựa vào các luận cứ khoa học, tính hiệu quả và yêu cầu từ thực tiễn để tiến hành sắp xếp bố trí con người, cơ quan cho phù hợp. Có những vị trí cần giảm, nhưng có những vị trí làm việc, những thiết chế cần tăng cường để thực thi pháp luật. Người nghiên cứu đồng tình với quan điểm này, bởi lẽ để xây dựng một bộ máy hoàn thiện, hiệu quả thì việc thêm hay giảm bớt các thiết chế cần phải dựa vào các luận cứ khoa học đầy đủ, không nhất thiết rằng, cứ tinh giản là phải bỏ đi, xóa bớt không được thành lập mới. Với cách lập luận này, và dựa vào những phân tích ở Mục 1 trên đây, người nghiên cứu cho rằng, việc xây dựng thiết chế trực thuộc Chính phủ để tiến hành điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM thay thế cho CPVTM trực thuộc BCT là cấp thiết và khoa học. Hơn nữa, cần hiểu, đây không hoàn toàn là thành lập mới một CPVTM mà mang tính chất thay đổi vị trí pháp lý từ việc trực thuộc BCT nay trực thuộc Chính phủ trực tiếp quản lý.

Thứ hai, giải quyết được những vướng mắc trong khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của CPVTM. Cụ thể: (i) Với một vị trí trực thuộc Chính phủ, độc lập với các bộ, hoàn toàn đảm bảo cho cơ quan điều tra một vị thế đủ để yêu cầu các bộ, UBND địa phương nơi các doanh nghiệp đóng trụ sở cùng phối hợp điều tra, cung cấp thông tin, số liệu để làm rõ có hay không hành vi vi phạm. Mặt khác, với vị trí là cơ quan trực thuộc Chính phủ, các công văn phục vụ cho quá trình điều tra sẽ do Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn, do đó hoàn toàn đủ cơ sở pháp lý để buộc các cơ quan chuyên ngành như Tổng cục Hải quan, Tổng cục Thuế phải có nghĩa vụ phối hợp, cung cấp các số liệu liên quan đến hoạt động nhập khẩu cũng như số liệu thuế của các doanh nghiệp để làm rõ các căn cứ phục cho việc ra quyết định áp dụng các biện pháp PVTM; (ii) Đầy đủ thẩm quyền để tổ chức điều tra, phối hợp điều tra các vụ việc khi doanh nghiệp Việt Nam là bị đơn ở nước ngoài. Với vị trí là cơ quan trực thuộc Chính phủ, cơ quan điều tra hoàn toàn đầy đủ thẩm quyền để chủ động phối hợp điều tra, tiếp xúc với cơ

quan điều tra nước ngoài nhằm xác định việc áp dụng các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với hàng hóa Việt Nam đúng hay sai, từ đó có các biện pháp xử lý phù hợp. Hơn nữa, với vị trí trực thuộc Chính phủ, cơ quan điều tra hoàn toàn có quyền chủ động đề nghị chính phủ nước ngoài cung cấp các chứng cứ để chứng minh trong các vụ kiện chống trợ cấp hàng hóa; (iii) Tạo tính chủ động, hiệu quả cho cơ quan điều tra trong việc phúc đáp các công hàm từ cơ quan ngoại giao nước ngoài. Trong vai trò là cơ quan trực thuộc Chính phủ, cơ quan điều tra hoàn toàn chủ động phúc đáp các công hàm phản đối của cơ quan ngoại giao nước ngoài khi mà doanh nghiệp của họ là bị đơn trong vụ điều tra PVTM, bằng cách báo cáo trực tiếp cho Thủ tướng Chính phủ để giải quyết hoặc sẽ được ủy quyền giải quyết. Điều này giúp cho cơ quan điều tra nhanh chóng giải quyết được sự việc, phù hợp với cấp hàm ngoại giao, vừa bảo vệ kịp thời quyền lợi cho doanh nghiệp Việt Nam.

Thứ ba, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp trước tác động từ các mệnh lệnh hành chính. Như đã phân tích, thực thi các biện pháp PVTM chính là thực thi các biện pháp thương mại xuyên biên giới, vì vậy khi áp dụng công cụ PVTM nào đó đặt cơ quan điều tra trong mối quan hệ phải giải quyết là lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của quốc gia. Và cần phải thừa nhận rằng, khi giải quyết mối quan hệ đó, sẽ không tránh khỏi những mệnh lệnh hành chính được đưa ra từ hệ thống cơ quan công quyền, và đôi khi lợi ích của doanh nghiệp bị “hy sinh” cho lợi ích của quốc gia. Tuy nhiên, trong một môi trường cạnh tranh lành mạnh không cho phép điều này xảy ra, sự công bằng và lợi ích hợp pháp phải được thực thi, không có chỗ cho các quyết định hành chính làm “méo mó” một môi trường cạnh tranh lành mạnh, và trách nhiệm này thuộc về CPVTM - Cơ quan điều tra, kiến nghị áp dụng hoặc không áp dụng công cụ PVTM, nhưng với một vị trí là cấp cục trực thuộc bộ thì đây là một nhiệm vụ bất khả thi đối với CPVTM. Do đó, với đề xuất xây dựng vị trí của cơ quan điều tra trực thuộc Chính phủ sẽ tạo ra vị thế chủ động, độc lập trong việc ra các quyết định. Bởi lẽ: (i) Xét trong mối quan hệ với các bộ, với vị trí là cơ quan trực thuộc Chính phủ thì cơ quan này có vị trí tương đương với các bộ nên tránh được sự chi phối về ý chí của cơ quan hành chính cấp trên với cấp dưới, và hoàn toàn có quyền chủ động trong việc phối hợp và đề nghị các bộ phối hợp trong hoạt động điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM; (ii) Trong mối quan hệ với Chính phủ, cho dù là cơ quan do Chính phủ thành lập, mang tính chất của cơ quan hành pháp nhưng, hoàn toàn độc lập, chủ động trong các quyết định liên quan đến việc có hay không áp dụng các công cụ PVTM. Bởi lẽ, đây là cơ quan chuyên trách, được thành lập để ra các quyết định theo pháp luật, do đó luôn mang trong mình tính chất của một cơ quan tư pháp, độc lập trong việc điều tra, áp dụng biện pháp PVTM.

Trên cơ sở đã phân tích, giải pháp xây dựng cơ quan điều tra vụ việc PVTM trực thuộc Chính phủ hoàn toàn mang tính khả thi trong thực tiễn, đảm bảo hiệu quả trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, đem lại niềm tin cho doanh nghiệp, biến việc sử dụng các biện pháp

PVTM trở thành một trong những chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp trong đối phó với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh đến từ doanh nghiệp nước ngoài trong xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu hiện nay.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Michael Moore (1990), *Rules or politics? An empirical analysis of ITC antidumping decisions*, George Washington, University.
http://home.gwu.edu/~mom/ad_reform_doha.pdf, truy cập ngày 12/3/2018
2. Phạm Duy Nghĩa (2004), *Giáo trình Luật Kinh tế*, Nxb Công an nhân dân.
3. R. Baldwin and J. Steagall (1991), *An analysis of factors influencing ITC decisions in antidumping, countervailing and safeguards cases*, Carleton University - University of Wiscosin, Ohawa, Canada.
4. Richard Dale (1981) *Antidumping law in a liberal trade order*, Palgrave Macmillan.
5. Mai Xuân Hợi, Ủy ban Cạnh tranh quốc gia - Cơ quan thực thi pháp luật cạnh tranh thích hợp. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 18 (322) tháng 9/2016.
6. Đoàn Trung Kiên (2010), *Pháp luật về chống bán phá giá hàng nhập khẩu vào Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*. Luận án tiến sĩ Luật học, cơ sở đào tạo Trường Đại học Luật Hà Nội.
7. Nguyễn Quý Trọng (2013), *Pháp luật về tự vệ trong nhập khẩu hàng nước ngoài vào Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Tư pháp Hà Nội.